

UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ TÀI CHÍNH

Số: **1109**/STC-QLNS

V/v: Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý 1 năm 2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày **02** tháng 6 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định 4568/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.

Sở Tài chính dự thảo nội dung công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý 1 năm 2017 như sau:

(Có dự thảo chi tiết số liệu và thuyết minh gửi kèm theo Công văn này).

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Ảnh

THUYẾT MINH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2017:

I. Thu ngân sách:

1. Thu NSNN trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn quý 1 ước đạt 1.350.000 triệu đồng, bằng 28,2% dự toán trung ương giao, bằng 21,8% dự toán địa phương giao và bằng 133,8% so với cùng kỳ năm trước. Phân tích một số chỉ tiêu thu chủ yếu như sau:

1.1. Thu nội địa ước đạt 1.038.000 triệu đồng, đạt 29,5% dự toán trung ương giao, bằng 23,6% dự toán địa phương giao và bằng 123,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: thu từ thuế, phí và thu khác ước đạt 768.000 triệu đồng, bằng 24,8% so với dự toán trung ương giao, bằng 21,9% dự toán địa phương giao. Phân tích một số khoản thu chủ yếu như sau:

- Thu tiền sử dụng đất ước đạt 260.000 triệu đồng, bằng 65% dự toán trung ương giao, bằng 29,9% dự toán địa phương giao và bằng 110,2% so với cùng kỳ năm trước, số thu này chủ yếu là do các huyện, thành phố tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, và tiền bán trụ sở cũ; tiền cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê 50 năm.

- Thu từ thuế bảo vệ môi trường ước đạt 35.000 triệu đồng, bằng 17,5% dự toán trung ương giao, bằng 15,9% dự toán địa phương giao và bằng 77,8% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu phí trước bạ ước đạt 55.000 triệu đồng, bằng 27,5% dự toán trung ương giao, bằng 25,8% dự toán địa phương giao và bằng 100% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu phí, lệ phí: Ước thực hiện 110.000 triệu đồng, đạt 36,7% dự toán Trung ương giao, đạt 25,4% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 220% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực DNNN Trung ương: Ước thực hiện 136.000 triệu đồng, đạt 19% dự toán Trung ương giao, đạt 17,2% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 86,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ DNNN Địa phương: Ước thực hiện 36.000 triệu đồng, đạt 21,4% dự toán Trung ương, đạt 16,7% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 85,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực có vốn ĐTNN: Ước thực hiện 61.000 triệu đồng, đạt 26,8% dự toán Trung ương giao, đạt 20% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 164,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực Ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 194.000 triệu đồng, đạt 25,3% dự toán Trung ương, bằng 24,6% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 125,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ xổ số kiến thiết: Ước thực hiện 10.000 triệu đồng, đạt 43,5% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao.

1.2. Thu thuế xuất nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu ước đạt 290.000 triệu đồng, bằng 23% dự toán trung ương giao, bằng 20,7% dự toán HĐND giao và bằng 207,1% so với cùng kỳ năm trước.

1.3. Thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước ước đạt 22.000 triệu đồng, bằng 5,5% dự toán địa phương giao và bằng 73,3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp:

Tổng thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp ước đạt 965.713 triệu đồng, bằng 26,5% dự toán địa phương giao và bằng 115,1% so với cùng kỳ năm trước.

(Số liệu chi tiết thu theo biểu số 59/CK-NSNN, biểu số 60/CK-NSNN đính kèm)

II. Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 2.050.000 triệu đồng, bằng 22,3% dự toán trung ương giao, bằng 19,9% dự toán địa phương giao và bằng 103,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển ước đạt 356.000 triệu đồng, bằng 42,2% dự toán trung ương giao, bằng 26,3% dự toán địa phương giao và bằng 142,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán trụ sở, san tạo mặt bằng ước đạt: 50.000trđ, bằng 9,2% dự toán địa phương giao.

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu hoạt động xổ số ước đạt 6.000 triệu đồng, bằng 26,1% dự toán HNĐ giao.

- Chi thường xuyên ước đạt 1.322.000 triệu đồng, bằng 20,6% dự toán trung ương giao, bằng 20,4% dự toán địa phương giao và bằng 102,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thực hiện các chương trình, mục tiêu, dự án ước đạt 350.000 triệu đồng, bằng 20,1% dự toán trung ương giao và dự toán địa phương giao và bằng 87,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách ước đạt 22.000 triệu đồng, bằng 5,5% dự toán địa phương giao và bằng 73,3% so với cùng kỳ năm trước.

(Số liệu chi tiết chi theo biểu số 59/CK-NSNN, biểu số 61/CK-NSNN đính kèm)

UBND TỈNH LÀO CAI

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2017

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán địa phương	Ước thực hiện quý I	So sánh (%)	
				TH/DTĐ P	TH/CK
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=2/I</i>	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.200.000	1.350.000	21,8	133,8
I	Thu cân đối NSNN	5.800.000	1.328.000	22,9	135,6
1	Thu nội địa	4.400.000	1.038.000	23,6	123,7
2	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.400.000	290.000	20,7	207,1
II	Thu để lại quản lý qua NSNN	400.000	22.000	5,5	73,3
B	TỔNG CHI NSĐP	10.288.000	2.050.000	19,9	103,5
I	Chi cân đối NSĐP	8.143.896	1.678.000	20,6	108,3
1	Chi đầu tư phát triển:	1.352.833	356.000	26,3	142,4
2	Chi thường xuyên:	6.478.163	1.322.000	20,4	102,5
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	109.000			
4	Chi trả lãi, phí vay	2.800			-
5	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.100			
6	Dự phòng ngân sách	200.000			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP	1.744.104	350.000	20,1	87,5
III	Chi quản lý qua NSNN	400.000	22.000	5,5	73,3

UBND TỈNH LÀO CAI

ƯỚC THỰC HIỆN THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2017

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán địa phương	Ước thực hiện quý I	So sánh (%)	
				TH/DT ĐP	TH/CK
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.200.000	1.350.000	21,8	133,8
I	Thu nội địa	4.400.000	1.038.000	23,6	123,7
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	1.006.000	172.000	17,1	86,0
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	305.000	61.000	20,0	164,9
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	790.000	194.000	24,6	125,2
4	Lệ phí trước bạ	213.500	55.000	25,8	100,0
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.100	100	9,1	303,0
6	Thuế thu nhập cá nhân	128.000	29.000	22,7	145,0
7	Thuế bảo vệ môi trường	220.000	35.000	15,9	77,8
8	Thu phí và lệ phí	433.400	110.000	25,4	220,0
9	Thu tiền sử dụng đất, bán trụ sở, san tạo MB	870.000	260.000	29,9	110,2
10	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	30.000	12.000	40,0	857,1
11	Thu khác	120.520	19.600	16,3	207,1
12	Thu hoa lợi công sản, thu khác tại xã	3.480	300	8,6	272,7
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	256.000	80.000	31,3	266,7
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	23.000	10.000	43,5	
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.400.000	290.000	20,7	207,1
III	Thu để lại quản lý qua NSNN	400.000	22.000	5,5	73,3
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	3.647.900	965.713	26,5	115,1

UBND TỈNH LÀO CAI

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2017

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán địa phương	Ước thực hiện quý I	So sánh (%)	
				TH/DT ĐP	TH/CK
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.288.000	2.050.000	19,9	103,5
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	8.143.896	1.678.000	20,6	108,3
I	I. Chi đầu tư phát triển:	1.352.833	356.000	26,3	142,4
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	639.540	300.000	46,9	120,0
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán trụ sở, san tạo mặt bằng	542.845	50.000	9,2	
3	Hỗ trợ các doanh nghiệp và bình ổn giá	10.000			
4	Chi trích quỹ phát triển đất	137.448			
5	Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu hoạt động xổ số kiến thiết	23.000	6.000	26,1	
II	Chi thường xuyên:	6.478.163	1.322.000	20,4	102,5
1	Chi quốc phòng địa phương	120.477	30.000	24,9	115,4
2	Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn XH	60.858	11.000	18,1	100,0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và DN	3.030.353	571.000	18,8	101,8
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	802.993	163.000	20,3	120,7
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	18.260	4.200	23,0	105,0
6	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin	70.334	12.200	17,3	116,2
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	48.222	10.500	21,8	105,0
8	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	16.346	3.800	23,2	95,0
9	Chi sự nghiệp kinh tế	623.628	160.000	25,7	85,1
10	Chi SN bảo vệ môi trường	167.302	27.800	16,6	92,7
11	Chi đảm bảo xã hội	157.481	37.000	23,5	168,2
12	Chi hoạt động của các cơ quan nna nước cấp tỉnh	800.215	162.000	20,2	94,7
13	Chi hoạt động của cơ quan Đảng	275.750	63.000	22,8	105,0
14	Chi hoạt động của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội	223.036	48.500	21,7	107,8
15	Chi hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.	12.908	4.000	31,0	80,0
16	Chi khác ngân sách	50.000	14.000	28,0	186,7
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	109.000			
IV	Chi trả lãi, phí vay	2.800			-
V	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.100			
VI	Dự phòng ngân sách	200.000			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.744.104	350.000	20,1	87,5
C	CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH	400.000	22.000	5,5	73,3